

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH Đ**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11-3-2021
V/v tranh chấp về
hôn nhân và gia đình – Ly hôn,
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Vững
Ông Nguyễn Văn Ánh.

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Quốc Thái – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Ngày 11/3/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 537/2020/TLST – HNGĐ, ngày 06 tháng 11 năm 2020, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1990. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp AL, xã A, huyện C, Đ.

- *Bị đơn:* Lê Việt H, sinh năm 1985. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2B, xã HT, huyện T, Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** *Chị Nguyễn Thị Thu L trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H kết hôn năm 2017, được Ủy ban nhân dân xã HT, huyện T, Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký ngày 03/02/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn lại tình cảm nhưng ngày càng trầm trọng hơn và ly thân từ cuối năm 2017 đến nay.

Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị Nguyễn Thị Thu L yêu cầu được ly hôn với anh Lê Việt H.

- Về con chung: Chị L và anh H có 01 con chung tên Lê Phúc Đ, sinh ngày 22/8/2017, hiện đang sống cùng chị L. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Chị L giữ nguyên yêu cầu về hôn nhân và nuôi con. Về tài sản chung, chị L xin rút yêu cầu, hai bên tự thỏa thuận.

** Anh Lê Việt H có văn bản trình bày ý kiến:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh H thống nhất thời gian kết hôn như chị L trình bày. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng có bất đồng quan điểm sống, không thể hàn gắn lại được. Nay chị Nguyễn Thị Thu L yêu cầu được ly hôn thì anh Lê Việt H thống nhất ly hôn với chị L.

- Về con chung: Chị L và anh H có 01 con chung tên Lê Phúc Đ, sinh ngày 22/8/2017, hiện đang sống cùng chị L. Anh H thống nhất giao con chung Lê Phúc Đ cho chị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án:

[1.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị L và anh H kết hôn là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, vợ chồng đã có thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng kéo dài và ngày càng nghiêm trọng không thể hàn gắn đoàn tụ được, chị L đã về sinh sống tại huyện C từ cuối năm 2017.

Từ khi chị L về sinh sống tại huyện C đến nay, anh H và chị L không hàn gắn lại được tình cảm. Nay chị L yêu cầu được ly hôn với anh H và anh H đã có văn bản trình bày ý kiến thống nhất ly hôn với chị L nên công nhận chị L và anh H thuận tình ly hôn.

[1.2] Về con chung: Chị L và anh H có 01 con chung tên Lê Phúc Đ, sinh ngày 22/8/2017, hiện con chung đang sống cùng chị L. Xét thấy, anh H có văn bản thống nhất giao con chung là cháu Lê Phúc Đ cho chị L được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp với yêu cầu của chị L nên chấp nhận.

Chị L yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Theo tờ tự khai ngày 25/01/2021, anh H không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, mặt khác điều kiện hoàn cảnh kinh tế của chị L rất cần sự cấp dưỡng nuôi con từ phía anh H nên căn cứ khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân gia đình buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng bằng 50% mức lương cơ sở cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[1.3] Về tài sản chung: Chị L và anh H thống nhất tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.4] Về nợ chung: Chị L và anh H thống nhất không có nợ chung nên không xem xét.

[2] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật. Anh Hoà phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[3] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu L:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu L và anh Lê Việt H thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Lê Phúc Đ, sinh ngày 22/8/2017 cho chị Nguyễn Thị Thu L trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Buộc anh Lê Việt H có trách nhiệm cấp dưỡng cho cháu Lê Phúc Đ mỗi tháng bằng 50% mức lương cơ sở, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2021 đến khi cháu Lê Phúc Đ đủ 18 tuổi.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị L và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thu L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006582 ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị L đã nộp xong.

Anh Lê Việt H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- UBND xã HT, T;
- Đường sự;
- Lưu: HSVA, (Thái).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dũng